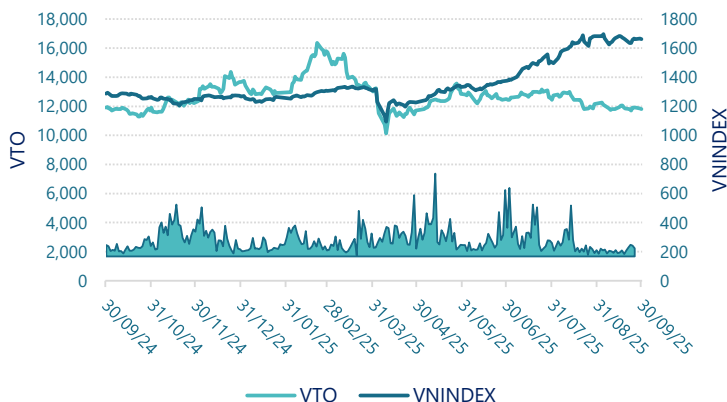




CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco (HSX: VTO)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,361
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,132
SL cổ phiếu LH	79,866,666
KLGD BQ 20 phiên (CP)	286,860
% sở hữu nước ngoài	4.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	942
P/E	8.5
EPS	1,391

DT thuần

Q3/25

299

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0 | 15.5%

YoY: ▲ 2.00 | 0.7%

LN sau thuế

Q3/25

28.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 2.70 | -8.8%

YoY: ▲ 8.70 | 44.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

13.0%

+/- YoY: ▲ 3.1%

DT thuần

9T 2025

843

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0 | 2.2%

LN sau thuế

9T 2025

78.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.70 | 2.3%

ROE

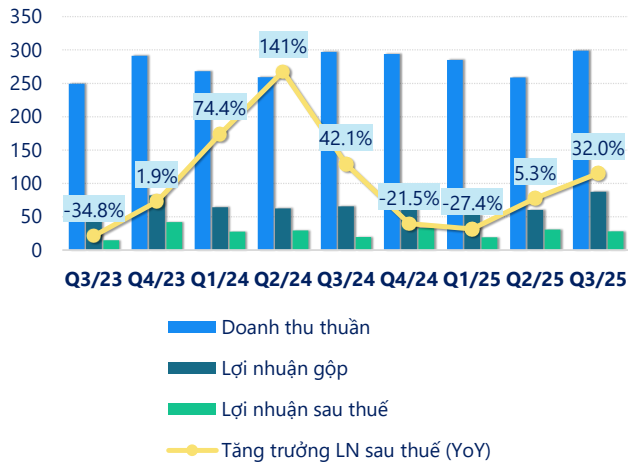
Q3/25

9.8%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

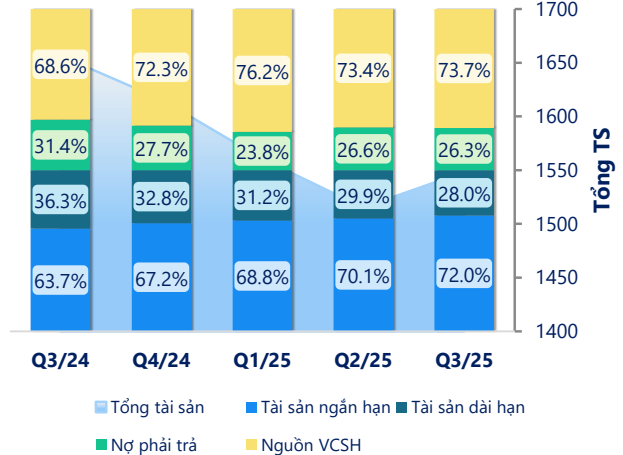
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

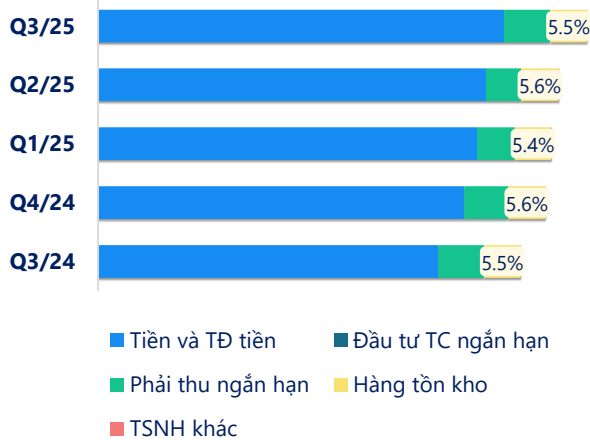
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



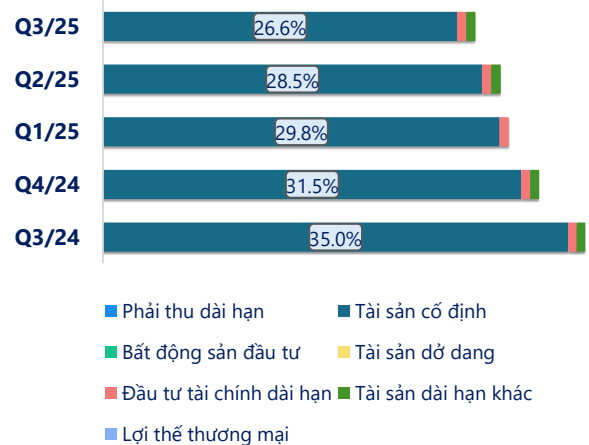
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

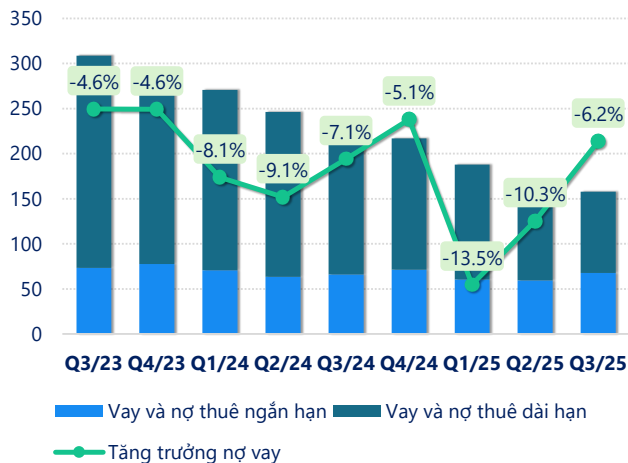
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

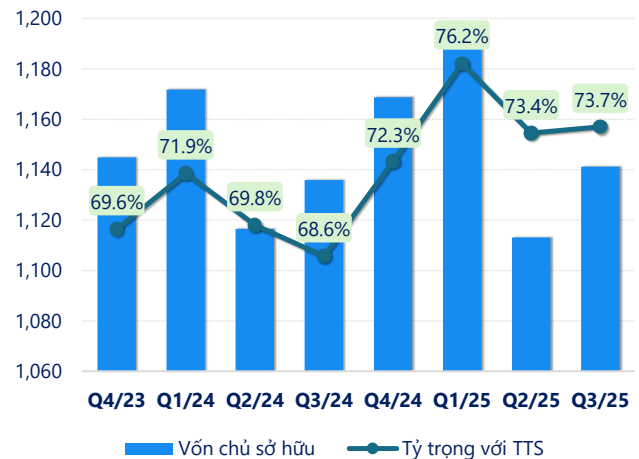
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

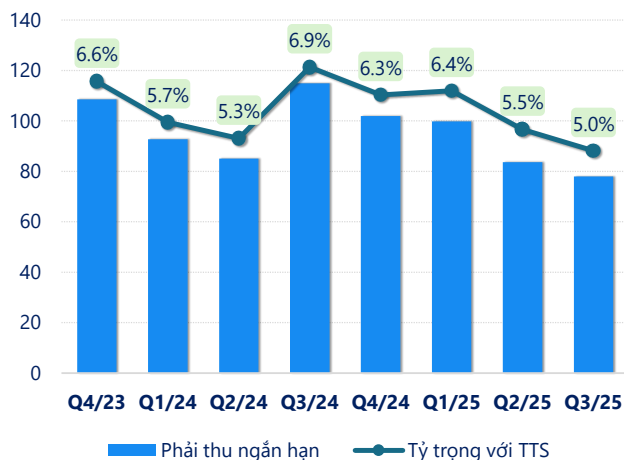
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



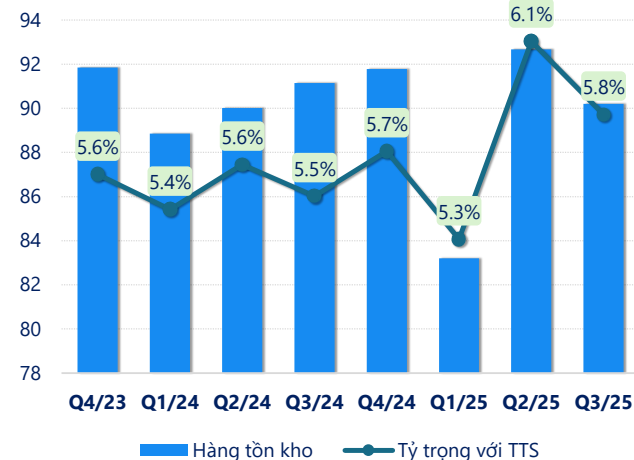
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


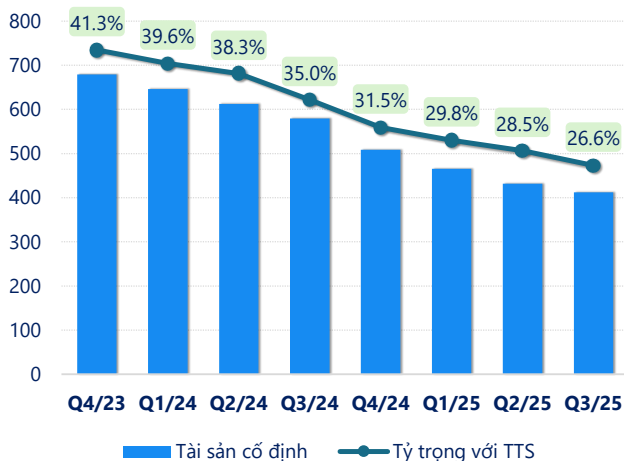
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


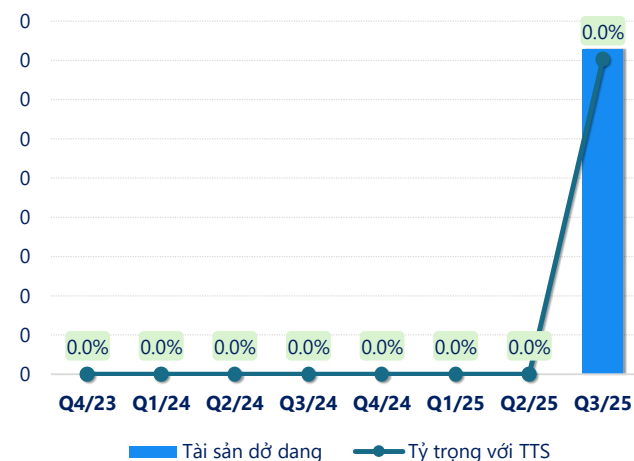
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

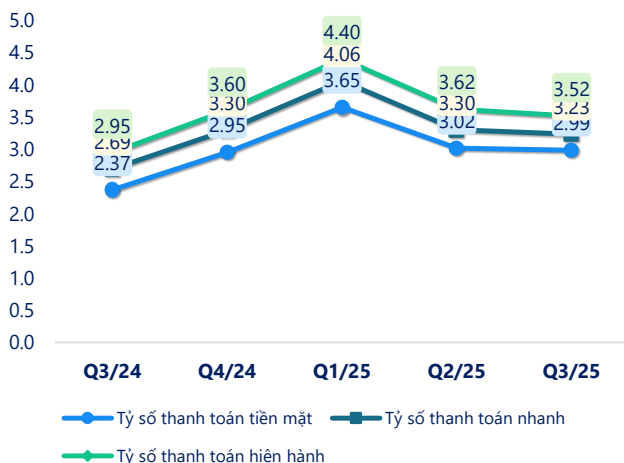
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

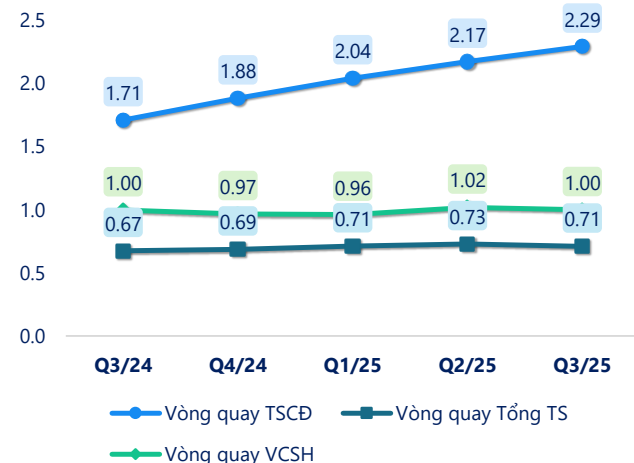
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,657	1,616	1,561	1,515	1,548
Tài sản ngắn hạn	1,055	1,086	1,073	1,062	1,115
Tiền và tương đương tiền	848	891	890	884	946
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	115	102	99.8	83.7	78.0
Hàng tồn kho	91.2	91.8	83.2	92.7	90.2
Tài sản ngắn hạn khác	1.11	1.51	0.09	1.21	0.18
Tài sản dài hạn	601	530	487	454	434
Phải thu dài hạn	0.27	0.27	0.27	0.27	0.27
Tài sản cố định	579	508	465	432	412
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.04
Đầu tư tài chính dài hạn	10.7	10.7	10.7	10.7	10.7
Tài sản dài hạn khác	10.8	10.8	0	10.8	10.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	521	447	371	402	407
Nợ ngắn hạn	358	301	244	293	317
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.0	71.4	60.5	59.4	67.6
Phải trả người bán ngắn hạn	34.4	30.5	20.8	21.2	12.5
Nợ dài hạn	163	146	127	109	90.4
Vay và nợ thuê dài hạn	163	146	127	109	90.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,136	1,169	1,189	1,113	1,141
Vốn chủ sở hữu	1,136	1,169	1,189	1,113	1,141
Vốn điều lệ	799	799	799	799	799
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)